

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2017/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh
5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định
số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 quy định về khung giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 337/TTr-STNMT ngày 08/6/2017 và số 353/TTr-STNMT ngày 16/6/2017).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung giá đất ở đường Trường Sơn Đông, huyện Sông Hinh, như sau:

a) Bổ sung Điểm 7.4 vào Khoản 7 Mục VII của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019):

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7	Xã Ea Bar (xã Miền núi)				
7.4	Đường Trường Sơn Đông				
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến công mỏ đá	250	160	120	100
-	Đoạn từ công mỏ đá đến ngã ba đi xã Ea Bá	150	100	75	60
-	Đoạn từ ngã ba đi xã Ea Bá đến ranh giới xã Ea Lâm	120	80	60	50

b) Bổ sung Điểm 8.3 vào Khoản 8 Mục VII của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019):

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8	Xã Ea Ly (xã Miền núi)				
8.3	Đường Trường Sơn Đông				
-	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 29 đến Km492	200	160	120	70
-	Đoạn từ Km492 đến ngã ba đi thôn Tân Sơn	150	120	100	60
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Tân Sơn đến giáp ranh giới huyện M'Đrăk-tỉnh Đắk Lắk	120	80	60	50

c) Bổ sung Điểm 9.1 và Điểm 9.2 vào Khoản 9 Mục VII của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019):

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9	Các xã Ea Bá và xã Ea Lâm (xã Miền núi)				
9.1	Đường Trường Sơn Đông qua xã Ea Lâm				
-	Đoạn từ điểm cầu Suối Ổ (giáp ranh huyện Krông Pa-tỉnh Gia Lai) đến Km481 (gần cống Ea Sái)	160	100	80	60
-	Đoạn từ Km481 (gần cống Ea Sái) đến giáp ranh xã Ea Bar	120	80	60	50
9.2	Các khu vực còn lại				
-	Khu vực 1	100	90	70	60
-	Khu vực 2	80	70	60	50

2. Bổ sung giá đất ở các đường, đoạn đường trên địa bàn thị xã Sông Cầu, huyện Sơn Hòa, huyện Tuy An vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

a) Bổ sung Điểm 1.7 vào Khoản 1 Phần A Mục II của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
II	Thị xã Sông Cầu (10 xã)				
A	Vùng đồng bằng (9 xã)				
1	Xã Xuân Lộc (xã đồng bằng)				
1.7	Khu tái định cư thôn Long Thạnh (đường gom dân sinh quy hoạch rộng 8m)	450			

b) Bổ sung Khoản 14, 15 và 16 vào Mục IX của Phụ lục 1- Giá đất ở đô thị 05 năm (2015-2019):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
IX.	TT Củng Sơn-huyện Sơn Hòa (Đô thị loại V)				
14	Đường Quy hoạch Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 1, rộng 27 m (đoạn từ đường 24/3 vào 500m)	250	200	150	100
15	Đường quy hoạch Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 2 (đoạn từ đường 24/3 vào 500m)	200	150	100	80
16	Đường ĐH53 (đoạn từ giáp ranh xã Ea Chà Rang đến đường 24/3)	120	100	80	60

c) Bổ sung Điều 5.3 vào Khoản 5 và Điều 7.1 vào Khoản 7 Mục VIII của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
VIII	Huyện Sơn Hòa				
5	Xã Ea Chà Rang (xã miền núi)				
5.3	Đường ĐH 53				
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Suối Trai (đường vào Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ)	120	100	80	60
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	130	110	80	60
-	Đoạn từ đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định) đến cầu Ma Va	100	70	50	40
-	Đoạn từ cầu Ma Va đến ranh giới xã Suối Trai	80	60	40	30
7	Xã Suối Trai (xã Miền núi)				
7.1	Đường ĐH 53				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Chà Rang và thị trấn Củng Sơn đến ngã ba Hà Đô	80	60	50	40
-	Đoạn từ ngã ba Hà Đô đến ngã ba đi thôn	120	100	80	60

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hoàn Thành				
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Hoàn Thành đến ranh giới xã Ea Chà Rang	70	60	50	40

d) Bổ sung Điểm 2.11 vào Khoản 2 và Điểm 8.5 vào Khoản 8 Phần A Mục III của Phụ lục 2-Giá đất ở tại nông thôn 5 năm (2015-2019):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
III	Huyện Tuy An				
A	Vùng đồng bằng (12 xã)				
2	Xã An Mỹ				
2.11	Khu dân cư Thị Tứ (sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Đường quy hoạch rộng 30m	1.400			
-	Đường quy hoạch rộng 16m	1.200			
-	Đường quy hoạch rộng 12,5m	1.100			
8	Xã An Thạch (xã đồng bằng)				
8.5	Khu dân cư Đèo Dăng (sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Các trục đường	200			

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Sông Cầu, huyện Sơn Hòa, huyện Tuy An, huyện Sông Hinh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiên